TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HS-ST
Ngày 07-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022, đối với:

Bị cáo **Trần Văn Tr,** sinh ngày 21/01/1992 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Văn T1 (đã chết) và bà Bùi Thị Th, sinh năm 1971; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1996, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Từ ngày 25/6/2013 đến 25/6/2014 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Thái Bình theo Quyết định số 1938/QĐ-CT ngày 18/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện T, đã chấp hành xong quyết định ngày 25/4/2014. Bản án số 63/2018/HS-ST ngày 25/7/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/8/2019, thực hiện nghĩa vụ án phí ngày 14/9/2018,

đã được xóa án tích; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 07/4/2022 đến ngày 10/4/2022 chuyển tạm giam cho đến nay. (*Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa).*

Người chứng kiến:

+ Anh Bùi Đức T3, sinh năm 1992 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Lê Thế T4, sinh năm 1989 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy, khoảng 15 giờ ngày 07/4/2022, Trần Văn Tr đi bộ từ nhà đến khu vực cống TL thuộc địa phận xã D, huyện T để tìm mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Tại đây, Tr gặp và mua được 01 gói ma túy với giá 100.000 đồng của một người nam giới khoảng 40 tuổi không biết tên, địa chỉ. Sau đó Tr cất gói ma túy vào trong túi quần bên trái, phía trước đang mặc rồi đi bộ về nhà. Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày Tr đang đi bộ trên đường đê thuộc địa phận thôn N, xã S, huyện T thì bị Công an xã S tuần tra phát hiện có biểu hiện nghi vấn. Tại đây, trước sự chứng kiến của anh Bùi Đức T3 và anh Lê Thế T4, Tr đã tự giác lấy từ trong túi quần bên trái phía trước đang mặc ra 01 gói được gói bằng giấy màu trắng, bên trong là chất bột dạng cục màu trắng giao nộp cho Công an và khai nhận đó là Heroine vừa mua về để sử dụng cho bản thân. Công an đã niêm phong số ma túy của Tr giao nộp và tiến hành khám xét người Tr nhưng không phát hiện và thu giữ gì thêm, sau đó Công an đưa Tr và mời người chứng kiến về trụ sở Ủy ban nhân dân xã S lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và làm các thủ tục khác theo quy định. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn Tr nhưng không thu giữ gì liên quan đến ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 107/KLGĐMT-PC09 ngày 08/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: "Vật chứng gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,1825 gam *(Không phẩy một nghìn tám trăm hai mươi năm gam)"*. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Kết luận giám định nêu trên.

Bản cáo trạng số 56/CT-VKSTT ngày 31/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân

huyện T đã truy tố bị cáo Trần Văn Tr về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trong bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Văn Tr phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, phạt bổ sung từ 5.000.000 đến 7.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận gì đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu do Công an xã S lập ngày 07/4/2022 (Bút lục số: 58 - 61); Biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến là anh Bùi Đức T3 và anh Lê Thế T4 (bút lục số 85 - 92);); Bản kết luận giám định số 107/KLGĐMT- PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số 68) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các chứng cứ nêu

trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 07/4/2022 tại đường đê thuộc địa phận thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình, Công an xã S phát hiện, bắt quả tang Trần Văn Tr đã có hành vi tàng trữ trái phép trong túi quần bên trái đang mặc phía trước 01 gói được gói bằng giấy màu trắng, bên trong là chất bột dạng cục màu trắng, loại Heroine, có khối lượng 0,1825 gam với mục đích sử dụng cho bản thân bị tổ công tác Công an xã S, huyện T bắt quả tang. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Văn Tr phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 249. *Tội tàng trữ trái phép chất ma túy:*

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị Trần Văn Tr là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện mà còn xâm phạm đến an ninh, trật tự công cộng và an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo không chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, rất ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị

cáo tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, có như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung. Bị cáo đã từng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Thái Bình, từng bị kết án về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nhưng lại không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân, lại tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức ý thức coi thường pháp luật. Cần phải áp dụng cho bị cáo một mức án nghiêm minh mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và chính sách khoan hồng của Nhà nước ta, tạo điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo sớm trở thành người có ích cho xã hội. Cần áp dụng hình phạt bổ sung, phạt bị cáo 5.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: 0,1483 gam Heroine hoàn trả sau giám định và toàn bộ bao gói trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 107/KLGĐ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình là vật cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Tr khai là mua của một người nam giới khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra, xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án và có quyền kháng cáo theo Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Tr phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn Tr 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 07/4/2022, phạt bổ sung 5.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,1483 gam Heroine hoàn trả sau giám định và toàn bộ bao gói trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 107/KLGĐ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

(Các tài sản đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 02/6/2022).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn Tr phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo Trần Văn Tr có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 07/7/2022.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyệnT;
- Công an tỉnh Thái Bình (PC10);
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh